**BẢNG PHÂN LOẠI MỘT SỐ PHÉP TU TỪ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **PHÉP TU TỪ** | **NHẬN BIẾT** | **VÍ DỤ** | **TÁC DỤNG**  ***(Ý nghĩa, hiệu quả)*** |
| **1** | **So sánh** | - Đối chiếu hai đối tượng có cùng một dấu hiệu chung.  - Một số dấu hiệu:  + A như B; A là B; A bao nhiêu, B bấy nhiêu; A = B; A không bằng B… | *Công cha* **như núi** *Thái Sơn*  *Nghĩa mẹ* **như nước** *trong nguồn chảy ra.*  (Ca dao) | - Tạo hình ảnh cụ thể, sinh động  - Tăng sức biểu cảm, gợi hình. |
| **2** | **Nhân hóa** | - Gán cho sự vật những từ ngữ vốn được dùng để gọi/ tả về người.  - 3 loại:  *+ Gọi sự vật bằng những từ vốn gọi người*  *+ Dùng từ chỉ hoạt động, tính chất của con người để chỉ hoạt động, tính chất sự vật.*  *+ Trò chuyện tâm sự với vật như người* | *Con gà cục tác lá chanh,*  *Con lợn ủn ỉn* **mua** *hành cho tôi.*  *Con chó* **khóc đứng khóc ngồi,**  **Mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng riềng.**  (Ca dao) | - Làm thế giới đồ vật, loài vật sinh động, gần gũi.  - Tăng tính cụ thể, gợi hình, gợi cảm.  - Giúp gửi gắm ngụ ý của tác giả thông qua thế giới loài vật. |
| **3** | **Ẩn dụ**  **(So sánh ngầm)** | - Gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện khác khi giữa chúng có nét tương đồng (giống nhau) | **Thuyền** *về có nhớ bến chăng?*  **Bến** *thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.*  (Ca dao) | - Câu văn thêm giàu hình ảnh, hàm súc  - Tăng tính cụ thể, biểu cảm |
| **4** | **Hoán dụ** | - Gọi tên các sự vật, hiện tượng hoặc khái niệm này bằng tên sự vật, hiện tượng, khái niệm khác khi giữa chúng có nét tương cận, gần gũi với nhau. | **Áo chàm** *đưa buổi phân ly*  *Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.*  (Tố Hữu) | - Nhấn mạnh dấu hiệu nổi bật của sự vật  - Tăng sức gợi tả, gợi hình, gợi cảm. |
| **5** | **Điệp ngữ** | - Lặp lại nhiều lần 1 từ, 1 câu một cách có chủ đích nghệ thuật. | *Anh đi anh* **nhớ** *quê nhà*  **Nhớ** *canh rau muống,* **nhớ** *cà dầm tương…*  (Ca dao) | - Nhấn mạnh ý, gây ấn tượng.  - Tăng tính âm, nhịp điệu. Tăng tính liên kết |
| **6** | **Tương phản** | - Dùng những từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau, đối lập nhau | *Cùng trong một tiếng tơ đồng*  **Người ngoài cười nụ**, **người trong khóc thầm**.  (Nguyễn Du) | - Khắc họa đối tượng đậm nét, cụ thể |
| **7** | **Liệt kê** | - Kể ra một loạt các đối tượng cùng loại | *Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ*  *Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh.*  (Câu đối) | - Diễn tả đầy đủ, sâu sắc những khía cạnh của đối tượng  - Tăng tính nhịp nhàng, cân đối cho lời văn. |
| **8** | **Nói quá** | - Phóng đại quy mô, tính chất, đặc điểm của đối tượng. | *Lỗ mũi* **mười tám gánh lông**  *Chồng yêu chồng bảo râu rồng trời cho…*  (Ca dao) | - Nhấn mạnh các tính chất, đặc điểm, quy mô của đối tượng  - Gây ấn tượng, tăng tính biểu cảm |
| **9** | **Nói giảm nói tránh** | - Nói giảm nhẹ mức độ, tính chất của sự vật để nhằm đạt hiệu quả tế nhị, lịch sự. | *Bỗng lòe chớp đỏ,*  **Thôi rồi**, *Lượm ơi!*  *Chú đồng chí nhỏ,  Một dòng máu tươi!*  (Tố Hữu) | - Tăng tính tế nhị, lịch sự  - Tránh gây cảm giác đau buồn, nặng nề… |
| **10** | **Chơi chữ** | - Lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ để tạo sắc thái dí dỏm hài hước làm cho câu văn hấp dẫn và thú vị | *Ruồi* **đậu** *mâm xôi, mâm xôi* **đậu**  *Kiến* **bò** *đĩa thịt, đĩa thịt* **bò***.* | - Tạo sắc thái dí dỏm, hài hước.  - Tạo sự bất ngờ với những lớp nghĩa mới |

**CÁC KIỂU CÂU CHIA THEO MỤC ĐÍCH NÓI**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÁC KIỂU CÂU CHIA THEO MỤC ĐÍCH NÓI** | | | | |
| **tt** | **Kiểu câu** | **Đặc điểm hình thức** | **Chức năng chính** | **Chức năng khác** |
| 1 | **Câu nghi vấn** | - Kết thúc bằng dấu chấm hỏi (khi viết).  - Có từ nghi vấn: ai, gì ,nào, đâu, bao nhiêu hoặc từ “hay’ | - Dùng để hỏi. | - Dùng để cầu khiến, đe doạ, phủ định, khẳng định.  - Dùng để biểu lộ tình cảm, cảm xúc. |
| 2 | **Câu cầu khiến** | - Kết thúc câu bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm (khi viết).  - Có từ cầu khiến: *hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào…*  - Ngữ điệu cầu khiến. | - Dùng để ra lệnh, yêu cầu, răn đe, khuyên bảo. |  |
| 3 | **Câu cảm thán** | - Kết thúc câu bằng dấu chấm than (khi viết).  - Có từ cảm thán: *than ôi, hỡi ơi, chao ôi, trời ơi, biết bao…* | - Bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói. |  |
| 4 | **Câu trần thuật** | - Kết thúc câu bằng dấu chấm, đôi khi kết thúc bằng dấu chấm lửng (khi viết).  - Không có đặc điểm hình thức của câu: nghi vấn, cầu khiến, cảm thán. | - Dùng để kể, thông báo, nhận định, trình bày, miêu tả… | - Dùng để yêu cầu, đề nghị.  - Dùng để biểu lộ cảm xúc, tình cảm. |
| 5 | **Câu phủ định** | Có từ ngữ ngữ phủ định như: *không, chẳng, chả, chưa, không phải (là), chẳng phải (là), đâu có phải (là), đâu (có)…* | - Dùng để thông báo, xác nhận không có sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (PĐMT).  - Phản bác một ý kiến, một nhận định (PĐBB). |  |

**CÁC KIỂU KẾT CẤU ĐOẠN VĂN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **tt** | **KIỂU** | **MÔ HÌNH** | **VÍ DỤ** |
| **1** | **DIỄN DỊCH**  - Câu chủ đề ở đầu đoạn  - Ý chung trước, ý riêng sau | **Câu chủ đề**  **Câu 1**  **Câu 2**  **Câu** 3 | ***Nghệ thuật thơ trong “Nhật kí trong tù” rất phong phú****. Có bài là lời phát biểu trực tiếp, đọc hiểu ngay. Có bài lại dùng lối ngụ ngôn viết rất thâm thúy. Có bài tự sự, có bài châm biếm. Lại cũng có bài trữ tình hay vừa trữ tình vừa tự sự.*  (Theo *Giảng văn học 10*, tập 1, 1975) |
| **2** | **QUY NẠP**  - Câu chủ đề ở cuối đoạn  - Ý riêng trước, rút ra ý chung ở cuối. | **Câu 2**  **Câu** 3  **Câu 1**  **Câu chủ đề** | *Chính quyền nhân dân ta vững chắc. Quân đội nhân dân ta hùng mạnh. Mặt trận nhân dân rộng rãi. Công nhân, nông dân và trí thức được rèn luyện thử thách và tiến bộ không ngừng.* ***Nói tóm lại, lực lượng của chúng ta to lớn và ngày càng to lớn.***  (Hồ Chí Minh) |
| **3** | **TỔNG – PHÂN – HỢP**  (Kết hợp diễn dịch và quy nạp)  - Câu chủ đề nằm cả ở đầu và cuối  - Câu đầu nhận xét chung, các câu tiếp phân tích, câu cuối tổng hợp (ở mức khái quát cao hơn câu đề) | **Câu chủ đề 1**  **Câu 1**  **Câu 2**  **Câu** 3  **Câu chủ đề 2** | ***Chớ tự kiêu tự đại****. Tự kiêu tự đại là khờ dại, vì mình hay, còn nhiều người hay hơn mình. Mình giỏi, còn nhiều người giỏi hơn mình. Tự kiêu tự đại tức là thoái bộ. Sông to, bể rộng, thì bao nhiêu nước cũng được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước cũng đầy tràn, vì độ lượng nó hẹp nhỏ.* ***Người mà tự kiêu tự mãn cũng như cái chén, cái đĩa cạn****.*  (Hồ Chí Minh) |
| **4** | **SONG HÀNH**  - Không có câu chủ đề  - Không có câu nào bao chứa câu nào, chúng phối hợp lại để làm sáng tỏ nội dung của đoạn.  - Thường viết theo kiểu lặp cấu trúc | **C 1**  **C n**  **C 3**  **C 2** | *Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong các bể máu.*  (*Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh) |
| **5** | **MÓC XÍCH**  - Có thể có hoặc không có câu chủ đề  - Ý câu sau móc nối vào ý câu trước cho đến cuối đoạn (Câu sau phát triển, giải thích ý của câu trước) | **C n**  **C 3**  **C 2**  **C 1** | *Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải* ***tăng gia sản xuất****. Muốn* ***tăng gia sản xuất*** *tốt thì phải có* ***kĩ thuật*** *cải tiến. Muốn sử dụng tốt* ***kĩ thuật*** *thì phải có văn hóa.*  (Hồ Chí Minh) |

**Phép liên kết văn bản thường dùng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **tt** | **PHÉP LIÊN KẾT** | **NHẬN DIỆN** | **VÍ DỤ** |
| **1** | **PHÉP LẶP** | Lặp lại ở câu sau những từ ngữ đã có ở câu trước | ***Trường học của chúng ta*** *là trường học của chế độ dân chủ nhân dân, nhằm mục đích đào tạo những công dân và cán bộ tốt, những người chủ tương lai của nước nhà. Về mọi mặt,* ***trường học của chúng ta*** *phải hơn hẳn trường học của thực dân phong kiến.*  (Hồ Chí Minh – *Về vấn đề giáo dục*) |
| **2** | **PHÉP NỐI** | - Dùng **quan hệ từ**: *và, với, rồi, còn, cùng, vì…nên, tuy…nhưng…*  - Dùng **từ ngữ nối kết**: *tóm lại, nói chung là, đại thể là, đại ý là, nói cách khác, hơn nữa, hơn thế, ngoài ra, tiếp theo là, một là, hai là…* | *[…] Đích đi làm, tôi buôn bán, may ra có gây được chút vốn liếng làm ăn để sau này có con cái đỡ lo. Cứ thế này mãi thì rồi biết liệu thế nào?* ***Còn*** *chú, chúng tôi định sẽ để cho chú cái trường này, để chú kiếm thêm một chút.*  (Nam Cao) |
| **3** | **PHÉP THẾ** | Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế các từ ngữ đã có ở câu trước (thế bằng các **đại từ**: *vậy, đó, thế, đây, kia…)* | *Trường học của chúng ta là trường học của chế độ dân chủ nhân dân, nhằm mục đích đào tạo những công dân và cán bộ tốt, những người chủ tương lai của nước nhà. Về mọi mặt, trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của thực dân phong kiến.* *Muốn được như* ***thế*** *thì thầy giáo, học trò và cán bộ phải cố gắng hơn nữa để tiến bộ hơn nữa*”**.**(Hồ Chí Minh – *Về vấn đề giáo dục*) |
| **4** | **PHÉP ĐỒNG NGHĨA, TRÁI NGHĨA VÀ LIÊN TƯỞNG** | Sử dụng ở câu đứng sau những từ ngữ đồng nghĩa/ trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước | (1) *Một chiếc mũ len xanh nếu chị* ***sinh*** *con gái. Chiếc mũ sẽ đỏ tươi nếu chị* ***đẻ*** *con trai.*  (Anh Đức)  (2) *Tác phẩm* ***nghệ thuật*** *nào cũng xây dựng bằng vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng* ***nghệ sĩ*** *không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào* ***tác phẩm*** *một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống xung quanh.*  (Nguyễn Đình Thi) |

**PHÂN BIỆT CÁC KIỂU CÂU THEO CẤU TẠO**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KIỂU CÂU** | **NHẬN BIẾT** | **VÍ DỤ** |
| **1. CÂU ĐƠN** (BÌNH THƯỜNG) | - Có cấu tạo 1 cụm C-V làm nòng cốt câu  - Ngoài ra cũng có thêm các thành phần phụ (*Trạng ngữ, Khởi ngữ*) hay các thành phần biệt lập (*Tình thái, cảm thán, phụ chú*) – ***Với điều kiện các thành phần này không phải là một kết cấu C-V.*** | - Câu đơn bình thường: *Tôi đi đến trường.*  - Câu đơn mở rộng thành phần (có trạng ngữ):  *Với chiếc xe đạp, tôi đi đến trường* |
| **2. CÂU GHÉP** | - Có từ hai cụm C-V trở lên, các cụm C-V tách rời, không bao chứa nhau.  - Mỗi cụm C-V thông báo một sự việc khác nhau, nên về nghĩa, câu ghép có ít nhất hai sự việc. | - *Mèo/ chạy, lọ hoa/ đổ*  **C1 V1 C2 V2** |
| **3. CÂU PHỨC THÀNH PHẦN** | - Có hai cụm C-V trở lên, có một cụm C-V nòng cốt, các cụm C-V còn lại bị bao chứa bởi cụm C-V nòng cốt. (*Các cụm C-V bao chứa nhau*) | (1) *Mèo/ chạy làm đổ lọ hoa*  c v  C V  (2) *Với chiếc xe đạp cũ, tôi đi đến trường.* |
| **4. CÂU ĐẶC BIỆT** | - Không có cụm C-V, chỉ được tạo thành từ một từ hoặc một cụm từ. | (1) ***Trang! Trang!*** *Lại đây tớ cho xem cái này, hay lắm!*  (Trần Hoài Dương)  (2) *Lo thay! Nguy thay! Khúc đê này hỏng mất.*  (Phạm Duy Tốn) |

**PHÂN BIỆT**

**CÁC PHONG CÁCH NGÔN NGỮ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **PHONG**  **CÁCH** | **PHẠM VI SỬ DỤNG** | **CÁCH NHẬN DIỆN** | |
| **Hình thức** | **Nội dung** |
| **1** | **Sinh hoạt** | - Giao tiếp, sinh hoạt hằng ngày | *- Dạng đối thoại, độc thoại trong giao tiếp, nhật kí, hồi kí, thư từ.* | - Đề tài trong cuộc sống thường ngày.  - Dùng nhiều các từ ngữ đời thường, không có tính chuẩn mực. |
| **2** | **Nghệ**  **thuật** | - Sáng tác văn chương hay các loại nghệ thuật có sử dụng ngôn từ | *- Tác phẩm tự sự: truyện, tiểu thuyết, bút kí, tản văn, tùy bút…*  *- Tác phẩm thơ*  *- Tác phẩm kịch, chèo, tuồng…* | - Tâm tư tình cảm, hiện thực cuộc sống qua con mắt tác giả.  - Sử dụng nhiều các phép NT tu từ.  - Ngôn từ gọt giũa, nghệ thuật. |
| **3** | **Báo chí** | - Giao tiếp của báo, đài phát thanh, đài truyền hình. | *- Tin vắn, bản tin, tiểu phẩm, nhắn tin, thông báo, rao vặt, quảng cáo…* | - Tin tức thời sự về văn hóa, chính trị, xã hội, khoa học… |
| **4** | **Chính**  **luận** | - Giao tiếp bàn luận về các vấn đề chính trị – xã hội | *- Bài nói chuyện, lời phát biểu, lời diễn thuyết, hịch, cáo, chiếu, xã luận, bình luận, báo cáo chính trị, tuyên ngôn, lời kêu gọi, diễn văn, điếu văn, thư ngỏ* | - Các vấn đề chính trị – xã hội mang tính thời sự của cuộc sống đương thời  - Từ ngữ chuẩn mực, giàu tính biểu cảm, thuyết phục |
| **5** | **Hành**  **chính** | - Lĩnh vực quản lý, hoạt động hành chính ở cơ quan, đoàn thể | *- Lời phát biểu, trình bày, nghị định, thông báo, chỉ thị, các loại đơn từ, hợp đồng…* | - Những vấn đề thuộc công tác hành chính (quản lý, điều hành bộ máy tổ chức nhà nước, quản lý xã hội) mang tính pháp lý.  - Từ ngữ có tính chuẩn mực, đơn nghĩa và trung hòa về sắc thái. |
| **6** | **Khoa học** | - Giao tiếp khoa học trong nghiên cứu, giảng dạy, phổ biến khoa học. | *- Lời thuyết trình, phát biểu khoa học, lời giảng bài, công trình nghiên cứu khoa học, luận văn, báo cáo khoa học, bài báo khoa học…* | - Những tri thức khoa học, kĩ thuật  - Dùng nhiều thuật ngữ khoa học |

**PHÂN BIỆT CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **KHÁI NIỆM** | | **-** Là sử dụng những phương pháp, cách thức khác nhau nhằm biểu đạt hết những điều người nói muốn truyền tới người nghe. | |
| **CÁCH DÙNG** | | - Mỗi văn bản có thể sử dụng một hay nhiều phương thức biểu đạt. | |
| **TT** | **PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT** | **NHẬN DIỆN** | **VÍ DỤ** |
| **1** | **TỰ SỰ** | - Nội dung văn bản kể lại một câu chuyện có cốt truyện, ngôi kể, các nhân vật, các tình tiết (sự kiện). | *Cháu ở liền trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: “Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì?”.*  (Nguyễn Thành Long) |
| **2** | **MIÊU TẢ** | - Sử dụng các từ ngữ miêu tả nhằm giúp hình dung được cụ thể một sự vật, sự việc nào đó. | *Bên kia những hàng cây bằng lăng, tiết trời đầu thu đem đến cho con sông Hồng một màu đỏ nhạt, mặt sông như rộng thêm ra. Vòm trời cũng như cao hơn. Những tia nắng sớm đang từ từ di chuyển từ mặt nước lên những khoảng bờ bãi bên kia sông […]*  (Nguyễn Minh Châu) |
| **3** | **BIỂU CẢM** | - Sử dụng các từ ngữ biểu cảm, diễn tả cảm xúc đối với người, vật, sự việc nào đó. | *Được thư mẹ… Mẹ của con ơi, mỗi dòng chữ, mỗi lời nói của mẹ thấm nặng yêu thương, như những dòng máu chảy về trái tim khao khát nhớ thương của con. Ôi! Có ai hiểu lòng con ao ước được về sống giữa gia đình, dù chỉ là giây lát đến mức nào không?*  (Nhật kí Đặng Thùy Trâm) |
| **4** | **NGHỊ LUẬN** | - Xác lập một quan điểm, tư tưởng nào đó nhờ vào các yếu tố: luận điểm, luận cứ. | *Vì cuộc đời là những đấu tranh bất tận, mà tài nghệ của mỗi cá nhân tuy quan trọng, nhưng thật ra chỉ như những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la. Sự hiểu biết của mỗi cá nhân không thể đem so sánh với mọi người cùng chung sống với mình. Vì thế, dù tài năng đến đâu cũng luôn phải học thêm, học mãi mãi.* (Theo Lâm Ngữ Đường) |
| **5** | **THUYẾT MINH** | - Cung cấp tri thức với tính chuẩn xác, khoa học, rõ ràng. | *Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam. Vốn mang trong tim mình nỗi đau mất nước, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã quyết tâm đi tìm đường giải phóng dân tộc. Sau khi trở về nước, Bác đã dành toàn bộ cuộc đời mình cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của nước nhà. Chúng ta hôm nay sống trong không khí hạnh phúc, hòa bình một phần lớn phải kể đến công lao và sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Người.* |
| **6** | **HÀNH CHÍNH, CÔNG VỤ** | - Dùng trong giao tiếp hành chính, trong các văn bản hành chính (đơn thư, công văn, điều luật…) | *Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*  *Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*  *ĐƠN XIN PHÉP NGHỈ HỌC*  *Kính gửi: Thầy/cô chủ nhiệm cùng toàn thể các thầy/ cô giáo bộ môn phụ trách lớp....*  *Em tên là:*  *Học sinh lớp:* |